



Chương 3

PHÂN TÍCH CẤU TRÚC TÀI CHÍNH VÀ CÂN BẰNG TÀI CHÍNH

TS. Đỗ Huyền Trang - Trường Đại học Quy Nhơn

TS. Lê Mộng Huyền - Trường Đại học Quy Nhơn



1

Nội dung chương 3



Phân tích cấu trúc tài chính

- Phân tích cấu trúc tài sản
- Phân tích cấu trúc nguồn vốn

Phân tích cân bằng tài chính

- Phân tích cân bằng tài chính dài hạn
- Phân tích cân bằng tài chính ngắn hạn



2

Phân tích cấu trúc tài sản



Được thực hiện theo một trong hai cách sau:

Lập bảng cân đối kế toán dạng so sánh riêng cho phần tài sản (Bảng 2.1): **Phân tích chung cả quy mô và kết cấu tài sản.**

Lập bảng phân tích quy mô tài sản (Bảng 2.2) và bảng phân tích kết cấu tài sản (Bảng 2.3):
Phân tích riêng quy mô và kết cấu tài sản.

3

Phân tích cấu trúc tài sản



Khi phân tích cấu trúc tài sản cần lưu ý đến những chỉ tiêu cũng như các nhân tố ảnh hưởng sau:

- ✓ Tiền và tương đương tiền
- ✓ Hàng tồn kho
- ✓ Khoản phải thu
- ✓ Đầu tư tài chính
- ✓ Các nhân tố ảnh hưởng

4

Các nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc tài sản



Đặc điểm ngành nghề kinh doanh của DN

Đặc điểm hoạt động trong từng thời kỳ

Công tác quản lý hàng tồn kho

Công tác quản lý và thu hồi nợ

Chính sách của Nhà nước

Chính sách bán hàng

Chính sách kế toán



5

Phân tích cấu trúc nguồn vốn



Cách 1

Lập bảng cân đối kế toán dạng so sánh cho phần nguồn vốn: Phân tích chung cả quy mô và kết cấu nguồn vốn (thực hiện tương tự như phân tích cấu trúc tài sản).



Cách 2

Trước hết, lập bảng phân tích quy mô nguồn vốn (tương tự phân tích quy mô tài sản), sau đó, phân tích kết cấu nguồn vốn theo hai nhóm chỉ tiêu:

- Nhóm chỉ tiêu đánh giá sự tự chủ về tài chính
- Nhóm chỉ tiêu đánh giá sự ổn định về tài chính



6



Nhóm chỉ tiêu đánh giá sự tự chủ tài chính

Tỷ suất tự tài trợ (Hệ số tự tài trợ)	=	Vốn chủ sở hữu	x 100
		Tổng nguồn vốn	

Tỷ suất nợ (Hệ số nợ)	=	Nợ phải trả	x 100
		Tổng nguồn vốn	

Tỷ suất nợ	=	100	-	Tỷ suất tự tài trợ
------------	---	-----	---	--------------------



Tỷ suất tự tài trợ tăng (tỷ suất nợ giảm): sự tự chủ về tài chính của DN tăng lên và ngược lại.

7



Nhóm chỉ tiêu đánh giá sự ổn định

Tỷ suất NVTX	=	NVTX	x 100
		Tổng nguồn vốn	

Tỷ suất NVTT	=	NVTT	x 100
		Tổng nguồn vốn	

Tỷ suất NVTT	=	100	-	Tỷ suất NVTX
--------------	---	-----	---	--------------



Tỷ suất NVTX tăng (tỷ suất NVTT giảm): sự ổn định về tài chính của DN tăng, áp lực về tài chính sẽ giảm và ngược lại.

8

Cân bằng tài chính dài hạn



VHĐT > 0

TSNH	NVTT
TSDH	NVTX



DN đạt được cân bằng tài chính dài hạn. Nghĩa là TSDH được tài trợ hoàn toàn bằng NVTX hay TSNH đủ để thanh toán các khoản nợ và vay ngắn hạn.

VHĐT = 0

TSNH	NVTT
TSDH	NVTX



DN đạt được cân bằng tài chính dài hạn tuy nhiên độ an toàn chưa cao. TH này TSDH được tài trợ hoàn toàn bằng NVTX hay TSNH vừa đủ để thanh toán các khoản nợ và vay ngắn hạn.

VHĐT < 0

TSNH	NVTT
TSDH	NVTX



DN mất cân bằng tài chính dài hạn. Nghĩa là NVTX không đủ để tài trợ TSDH hay TSNH không đủ để thanh toán cho các khoản nợ và vay ngắn hạn.

9

Cân bằng tài chính ngắn hạn



$$\text{Ngân quỹ rỗng} = \text{Vốn hoạt động thuần} - \text{Nhu cầu vốn hoạt động thuần}$$

$$\text{Nhu cầu vốn hoạt động thuần} = \text{HTK} + \text{Giá trị các khoản phải thu ngắn hạn} - \text{Nợ ngắn hạn (không kể vay ngắn hạn)}$$

10



Cân bằng tài chính ngắn hạn



NQR có giá trị dương chứng tỏ DN đã đạt được cân bằng tài chính ngắn hạn.



NQR bằng 0 chứng tỏ DN đạt được cân bằng tài chính ngắn hạn nhưng không bền vững.



NQR có giá trị âm chứng tỏ DN không đạt được cân bằng tài chính ngắn hạn.

11

Thực hành

- Phân tích cấu trúc tài sản
- Phân tích cấu trúc nguồn vốn
- Phân tích cân bằng tài chính dài hạn
- Phân tích cân bằng tài chính ngắn hạn

Bài tập 3.1



12

